

CÔNG TY TNHH NÂNG TẦM BẤT ĐỘNG SẢN QM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NÂNG TẦM BẤT ĐỘNG SẢN QM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: QM REAL ESTATE ENHANCEMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CTY QM

2. Mã số doanh nghiệp: 0109718977

3. Ngày thành lập: 26/07/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

15A-05A-G3 – Khu đô thị Vinhomes Green Bay, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 08.644.633.56

Fax:

Email: qm.quanlychatluong@gmail.com Website: m

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
2.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
3.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
4.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
5.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
6.	In ấn	1811
7.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
8.	Sao chép bản ghi các loại	1820
9.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
10.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
11.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
12.	Cơ sở lưu trú khác	5590
13.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
14.	Xuất bản phần mềm	5820
15.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video	5911
16.	Hoạt động hậu kỳ	5912
17.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video	5913

18.	Hoạt động chiếu phim	5914
19.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc Chi tiết: Hoạt động ghi âm	5920
20.	Chương trình cáp, vệ tinh và các chương trình thuê bao khác	6022
21.	Hoạt động viễn thông có dây	6110
22.	Hoạt động viễn thông không dây	6120
23.	Hoạt động viễn thông vệ tinh	6130
24.	Hoạt động viễn thông khác	6190
25.	Lập trình máy vi tính	6201
26.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
27.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
28.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
29.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
30.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	6399
31.	Xây dựng nhà để ở	4101
32.	Xây dựng nhà không để ở	4102
33.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
34.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
35.	Xây dựng công trình điện	4221
36.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
37.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
38.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
39.	Xây dựng công trình thủy	4291
40.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
41.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
42.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
43.	Phá dỡ	4311
44.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
45.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
46.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
47.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
48.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
49.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
50.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá)	4511
51.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512

52.	Bán mô tô, xe máy (Trừ đầu giá)	4541
53.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
54.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa	4610
55.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
56.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
57.	Bán buôn thực phẩm	4632
58.	Bán buôn đồ uống	4633
59.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
60.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
61.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
62.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
63.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
64.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
65.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
66.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
67.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
68.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
69.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
70.	Bán buôn tổng hợp	4690
71.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
72.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
73.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
74.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
75.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
76.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
77.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
78.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
79.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
80.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
81.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
82.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753

83.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
84.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
85.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
86.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
87.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
88.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
89.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
90.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí)	4773
91.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ đấu giá)	4774
92.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
93.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
94.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
95.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
96.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
97.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
98.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đấu giá)	4791
99.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ đấu giá)	4799
100.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
101.	Hoạt động của công đoàn	9420
102.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
103.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
104.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
105.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
106.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
107.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
108.	Môi giới hợp đồng hàng hoá và chứng khoán Chi tiết: Môi giới hợp đồng hàng hóa	6612

109.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
110.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810(Chính)
111.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản	6820
112.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
113.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
114.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
115.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
116.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
117.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
118.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
119.	Đại lý du lịch	7911
120.	Điều hành tua du lịch	7912
121.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
122.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
123.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
124.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
125.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
126.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
127.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
128.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
129.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	LÊ THỊ MAI	Việt Nam	Khối 11, Phường Mai Hùng, Thị xã Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	9.800.000.000	49,000	187875345	
2	TRẦN VĂN QUANG	Việt Nam	Xóm Cò, tổ 5, cụm 3, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	10.200.000.000	51,000	040088000393	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ THỊ MAI

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 26/08/2000

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 187875345

Ngày cấp: 10/12/2020

Nơi cấp: Công an tỉnh Nghệ An

Địa chỉ thường trú: Khối 11, Phường Mai Hùng, Thị xã Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 15A – Tầng 05A – Tòa G3, Khu đô thị Vinhomes Green Bay, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội